



Lập trình Python

Bài 8: Ngoại lệ và xử lý ngoại lệ

Tài liệu này phân phối dưới giấy phép Creative Commons Attribution 4.0
(bất kỳ ai cũng đều có quyền tự do sử dụng, chia sẻ, sao chép, phân phối, phân phối lại, áp dụng, trích xuất, tùy biến, mở rộng, thương mại hóa,... miễn là ghi nhận công của các tác giả ban đầu của tài liệu)



Tóm tắt nội dung bài trước

- Kiểu dữ liệu từ điển:
 - Một tập các mục, một mục là một cặp key và value
 - Các key phải đôi một khác nhau, phải là kiểu dữ liệu bất biến
 - Có thể tra cứu value thông qua phép toán chỉ mục với key
 - Dữ liệu trong từ điển không có tính thứ tự, nhưng có thể duyệt bằng vòng lặp
- Module và Package: Cơ chế kiểm soát mã nguồn hiệu quả
 - Một file mã nguồn = một module, có thể tái sử dụng bởi import
 - Một thư mục chứa mã nguồn = một package
 - Module math chứa khá nhiều các hàm toán học cơ bản
- Lambda là phương pháp viết hàm rút gọn, hữu ích khi sử dụng với các meta-function (map, filter, sum, sort,...)



Nội dung

1. Ngoại lệ là gì?
2. Xử lý ngoại lệ
3. Một số loại ngoại lệ thường gặp
4. Tự sinh ngoại lệ
5. Bài tập



Phần 1

Ngoại lệ là gì?



Ngoại lệ là gì?



A girl is watching a video on Youtube on the computer



Interrupted in watching video due to internet disconnectivity suddenly



Stopped
Car punctured
Exception

Puncture repaired
Exception Handled



Ngoại lệ là gì?

- Việc một chương trình máy tính hoạt động không hoàn hảo (xảy ra lỗi) là không thể tránh khỏi
- Python chia lỗi thành 2 loại:
 - **Syntax error**: viết sai cú pháp, khiến chương trình thông dịch không dịch được, trong trường hợp này lập trình viên phải viết lại mã, không có phương án nào khác
 - **Exception**: xảy ra bất thường không như thiết kế
 - Như vậy xử lý exception sẽ khiến chương trình ổn định và hoạt động tốt trong mọi tình huống
 - Trường hợp này lập trình viên phải có phương án khắc phục



Ngoại lệ là gì?

- Ví dụ về syntax error:

```
>>> while True print('Hello world')
```

```
File "<stdin>", line 1
```

```
    while True print('Hello world')
```

```
                        ^
```

```
SyntaxError: invalid syntax
```

- Ví dụ về exception:

```
>>> 10 * (1/0)
```

```
Traceback (most recent call last):
```

```
File "<stdin>", line 1, in <module>
```

```
ZeroDivisionError: division by zero
```

- Có vẻ như syntax error cũng chỉ là một exception!!!



Phần 2

Xử lý ngoại lệ



“xử lý” ngoại lệ

```
while True:
```

Vòng lặp nhập X
cho đến khi người dùng
nhập vào đúng giá trị số

```
try:
```

```
    x = int(input("Nhập số X: "))  
    break
```

Khởi nhập X
(có thể nhập lỗi)

```
except ValueError:
```

```
    print("Lỗi, hãy nhập lại.")
```

Xử lý khi lỗi xảy ra

```
print("X =", x)
```

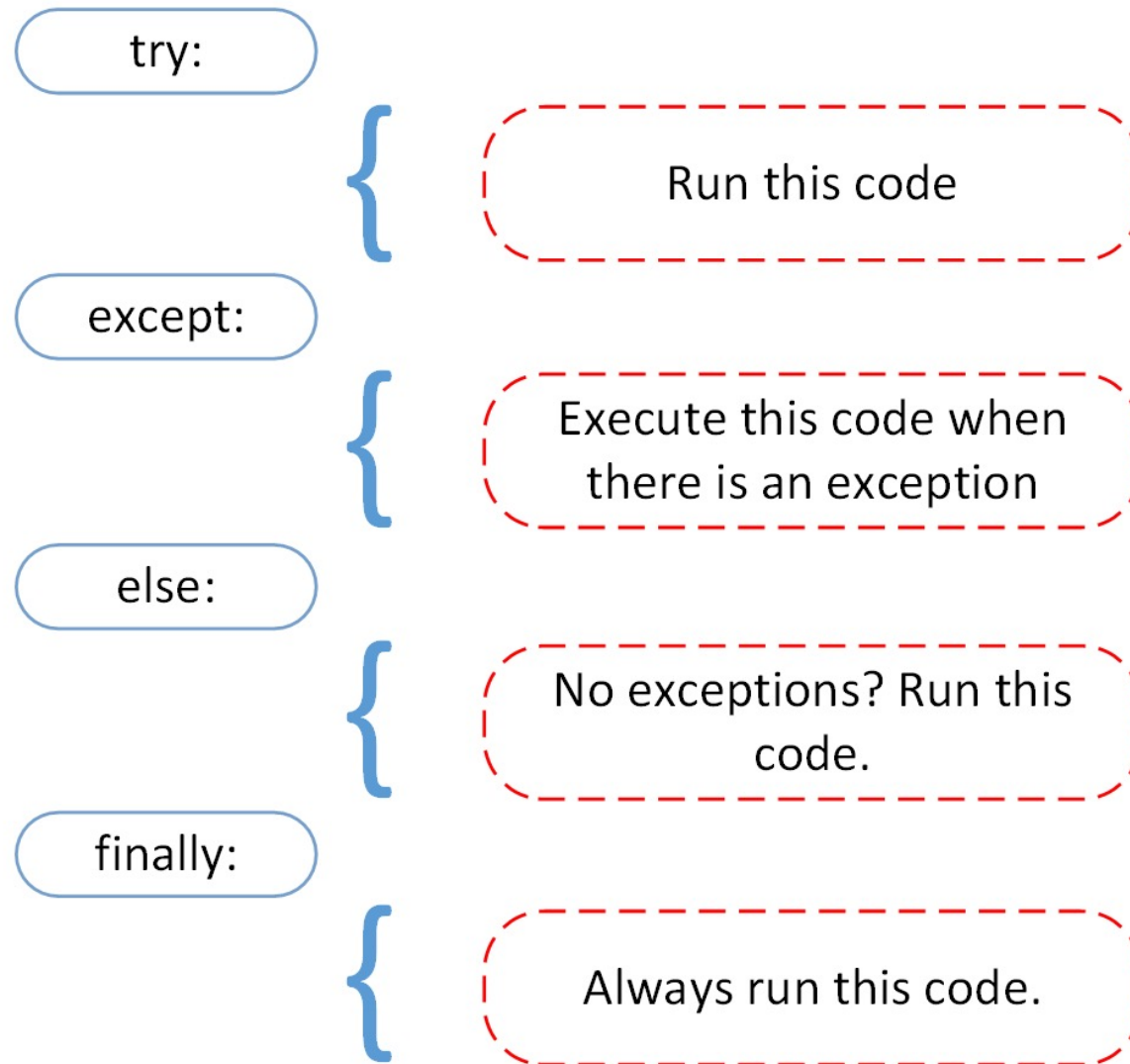


Cú pháp try-except-else-finally

- Cú pháp: `try:`
`except:`
`else:`
`finally:`
- Công việc của từng khối:
 - Khối “`try`”: đoạn mã có khả năng gây lỗi, khi lỗi xảy ra, khối này sẽ bị dừng ở dòng gây lỗi
 - Khối “`except`”: đoạn mã xử lý lỗi, chỉ thực hiện nếu có lỗi xảy ra
 - Khối “`else`”: có thể xuất hiện ngay sau khối `except` cuối cùng, đoạn mã sẽ được thực hiện nếu không có `except` nào được thực hiện (đoạn `try` không có lỗi)
 - Khối “`finally`”: còn được gọi là khối clean-up, luôn được thực hiện dù có xảy ra lỗi hay không



Cú pháp try-except-else-finally





Cú pháp try-except-finally

■ Chú ý:

- Khối `try` chỉ có 1 khối duy nhất, phải viết đầu tiên
- Khối `finally` có thể có hay không, nếu có thì khối này phải viết cuối cùng
- Khối `except` có thể không viết, có một khối, hoặc nhiều khối `except` khác nhau (để xử lý nhiều tình huống lỗi khác nhau)
- Một khối `except` có thể xử lý một loại lỗi, nhiều loại lỗi hoặc tất cả các loại lỗi
- Nếu không xử lý triệt để lỗi có thể “ném” trả lại lỗi này bằng lệnh “`raise`”
- Có thể phát sinh một ngoại lệ bằng lệnh “`raise <lỗi>`”
- Khi lỗi xảy ra, một biến chứa lỗi được phát sinh và “ném” xuống phần các khối `except`, khối `except` đầu tiên “bắt” được ngoại lệ sẽ xử lý nó

Quy tắc “bắt” ngoại lệ: lọt sàng xuống nia



```
try:
    # Khối lệnh có thể phát sinh lỗi
except (NameError, TypeError):    # xử lý 2 loại lỗi
    print("Name or Type error")
except IOError as e:              # lấy biến lỗi, đặt tên là e
    print(e)
    raise                         # “ném” trả lại lỗi này
except ValueError:               # xử lý lỗi Value
    print("Value error")
except:                           # xử lý mọi lỗi khác
    print("An error occurred")
    raise NameError("Ko bit")    # tạo ra một lỗi “Ko bit”
else:                             # thực hiện nếu không có lỗi
    print("OK")
finally:
    # Khối lệnh này luôn được thực hiện (ví dụ: Xóa file tạm)
```

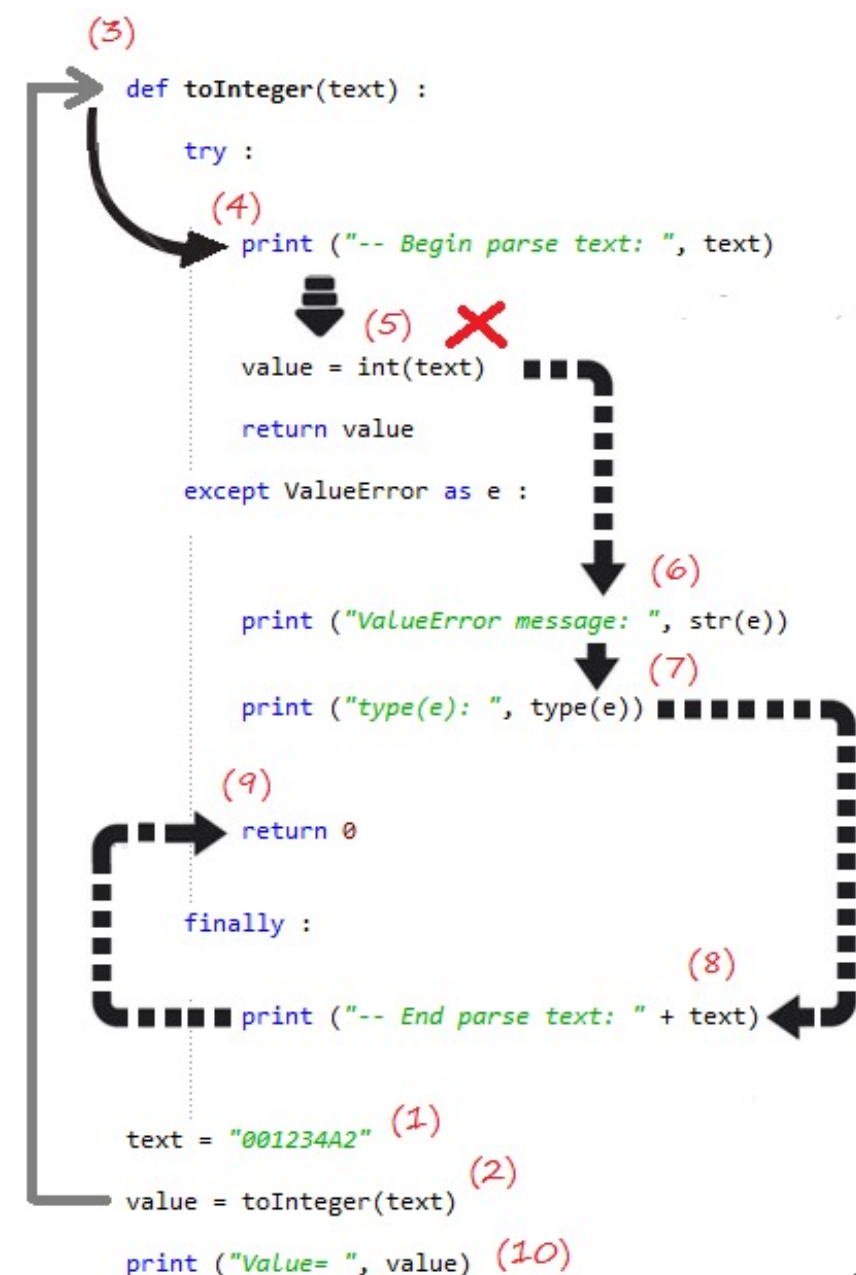
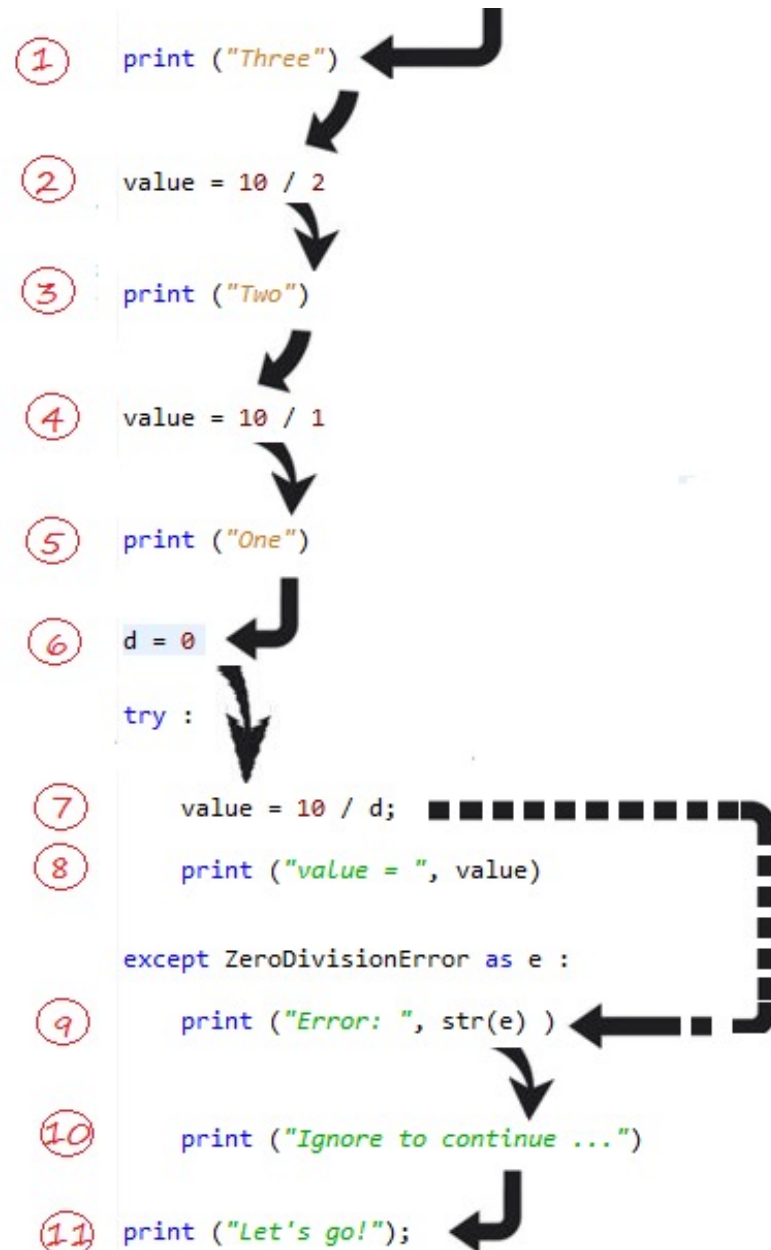
Nhiệm vụ của khối finally: xử lý dự phòng



- Việc chấm dứt đoạn mã một cách bất ngờ (trong khối `try` hoặc `except`) đem lại một số vấn đề
 - Chẳng hạn như trong khối `try` ta tạo một tập tin tạm thời để chứa dữ liệu trung gian, dùng xong sẽ xóa tập tin đó đi
 - Khi đoạn mã chấm dứt đột ngột vì ngoại lệ: lệnh xóa tập tin tạm không thực hiện
 - Hậu quả: sau một thời gian sử dụng chương trình, máy tính của người dùng có xuất hiện rất nhiều tập tin “rác”
 - Thực tế vấn đề này đã xảy ra với phần mềm Microsoft Word
- Khối `finally`: còn được gọi là khối “dọn dẹp” (clean-up)
 - Python đảm bảo rằng đoạn mã trong khối luôn được thực hiện dù có ngoại lệ xảy ra hay không
 - Trong ví dụ trên: ta sẽ đặt phần mã xóa tập tin tạm vào `finally`



Quá trình xử lý ngoại lệ thực tế





Phần 3

Một số loại ngoại lệ thường gặp



Một số loại ngoại lệ thường gặp

Ngoại lệ	Lý do gây ra
SystemExit	Xảy ra khi chương trình gọi hàm sys.exit()
KeyboardInterrupt	Xảy ra khi người dùng nhấn phím ngắt để cố gắng kết thúc chương trình (thường là Ctrl-C hoặc Delete)
GeneratorExit	Xảy ra khi chương trình đóng một bộ sinh (generator) bằng hàm close() Chú ý: đây không thực sự là một lỗi
Exception	Lớp cha của mọi lớp lỗi, ngoại trừ KeyboardInterrupt , SystemExit và GeneratorExit
StopIteration	Xảy ra khi cố gắng đọc đối tượng tiếp theo từ iterator, nhưng khi đó iterator đã ở cuối của kiểu tuần tự nên không có đối tượng cần đọc
StopAsyncIteration	Xảy ra khi cố gắng đọc đối tượng tiếp theo từ một iterator bất đồng bộ, nhưng khi đó iterator chưa đồng bộ được đối tượng tiếp theo



Một số loại ngoại lệ thường gặp

Ngoại lệ	Lý do gây ra
ArithmeticError	Lớp cha của mọi lỗi xử lý tính toán
FloatingPointError	Lớp con của ArithmeticError (<i>hiện đã bỏ không dùng, chỉ giữ lại để tương thích với các mã cũ</i>)
OverflowError	Lớp con của ArithmeticError , xảy ra khi kết quả của phép toán số học quá lớn hoặc quá nhỏ đến mức không thể biểu diễn
ZeroDivisionError	Lớp con của ArithmeticError , xảy ra khi thực hiện phép chia hoặc phép đồng dư với số 0
AssertionError	Xảy ra khi câu lệnh kiểm tra điều kiện assert thất bại
AttributeError	Xảy ra khi không thể gán thuộc tính hoặc tham chiếu
BufferError	Xảy ra khi không thể tạo vùng đệm hoặc bị tràn vùng đệm



Một số loại ngoại lệ thường gặp

Ngoại lệ	Lý do gây ra
EOFError	Xảy ra khi cố gắng đọc thêm dữ liệu mặc dù đã đến cuối tập tin (không thể đọc thêm được gì nữa)
ImportError	Xảy ra khi chương trình khai báo sử dụng thành phần trong thư viện (một hàm, một biến hoặc một lớp) nhưng không tìm thấy thành phần này
ModuleNotFoundError	Kiểu con của ImportError , xảy ra khi chương trình khai báo sử dụng một thư viện nhưng Python không thể nạp được thư viện đó trên máy hiện tại (thường do không tìm thấy mã máy của thư viện đó)
LookupError	Lớp cha của các lỗi xảy ra khi tìm kiếm dữ liệu
IndexError	Kiểu con của LookupError , xảy ra khi giá trị chỉ mục (index) nằm ngoài phạm vi của một biến kiểu tuần tự (string, list, tuple,...)
KeyError	Kiểu con của LookupError , xảy ra khi không tìm thấy khóa trong từ điển



Một số loại ngoại lệ thường gặp

Ngoại lệ	Lý do gây ra
MemoryError	Xảy ra khi hết bộ nhớ nên chương trình không thể tiếp tục thực thi hoặc bộ nhớ bị phân mảnh đến mức không thể tạo được các biến cần thiết để tiếp tục thực thi chương trình
NameError	Xảy ra khi cố gắng truy cập một biến không tồn tại
UnboundLocalError	Kiểu con của NameError , xảy ra khi tham chiếu đến một biến cục bộ nhưng biến cục bộ đó không tồn tại
ReferenceError	Xảy ra khi tham chiếu bị lỗi, chẳng hạn như truy cập một biến hoặc một thuộc tính đã bị bộ dọn rác (garbage collector) xóa đi
RuntimeError	Xảy ra một lỗi thực thi chung chung, không rơi vào nhóm các lỗi đã biết
NotImplementedError	Kiểu con của RuntimeError , xảy ra khi chương trình cố gắng thực thi một phương thức hoặc một hàm, nhưng vì lý do nào đó phần thân hàm (phương thức) chưa được viết



Một số loại ngoại lệ thường gặp

Ngoại lệ	Lý do gây ra
OSError	<p>Xảy ra khi thực hiện một hàm liên quan đến hệ thống (chẳng hạn như đọc ghi đĩa) nhưng gặp lỗi.</p> <p><i>Để giữ tương thích với các phiên bản trước, lỗi này còn có các tên khác như IOError, EnvironmentError và WindowsError</i></p> <p>Đây là một lớp lớn cung cấp nhiều thông tin lỗi khi làm việc với hệ điều hành, các lớp con của lớp này gồm:</p> <ul style="list-style-type: none">- BlockingIOError- ChildProcessError- ConnectionError<ul style="list-style-type: none">○ BrokenPipeError○ ConnectionAbortedError○ ConnectionRefusedError○ ConnectionResetError- FileExistsError- FileNotFoundError- InterruptedError- IsADirectoryError- NotADirectoryError- PermissionError- ProcessLookupError- TimeoutError



Một số loại ngoại lệ thường gặp

Ngoại lệ	Lý do gây ra
RecursionError	Kiểu con của RuntimeError , xảy ra khi gọi đệ quy quá nhiều lớp (độ sâu quá lớn)
SyntaxError	Xảy ra khi cố gắng chạy một lệnh viết sai cú pháp
IndentationError	Kiểu con của SyntaxError , xảy ra khi cố gắng chạy một lệnh viết thụt lề không chính xác
TabError	Kiểu con của IndentationError , xảy ra khi thụt lề sử dụng các dấu tab và dấu space không nhất quán
SystemError	Xảy ra khi trình thông dịch gặp các lỗi nội bộ
TypeError	Xảy ra khi chương trình cố gắng chuyển một đối tượng sang một kiểu khác nhưng không phù hợp (chẳng hạn cố gắng đổi một chuỗi tên riêng sang dạng số nguyên)



Một số loại ngoại lệ thường gặp

Ngoại lệ	Lý do gây ra
ValueError	Xảy ra khi hàm hoặc phương thức hoặc phép toán nhận được một đối số có kiểu đúng nhưng giá trị không phù hợp
UnicodeError	Kiểu con của ValueError , xảy ra khi có lỗi liên quan đến quá trình xử lý dữ liệu unicode
UnicodeEncodeError	Kiểu con của UnicodeError , xảy ra khi lỗi liên quan đến quá trình mã hóa dữ liệu
UnicodeDecodeError	Kiểu con của UnicodeError , xảy ra khi lỗi liên quan đến quá trình giải mã dữ liệu
UnicodeTranslateError	Kiểu con của UnicodeError , xảy ra khi lỗi liên quan đến quá trình chuyển đổi dữ liệu (kể cả chuyển đổi code page)



Một số loại ngoại lệ thường gặp

Ngoại lệ	Lý do gây ra
Warning	<p>Lớp cha của các loại cảnh báo, những lỗi nhẹ hoặc có tiềm năng xảy ra trong tương lai.</p> <p>Các lớp con của lớp này gồm:</p> <ul style="list-style-type: none">- UserWarning- DeprecationWarning- PendingDeprecationWarning- SyntaxWarning- RuntimeWarning- FutureWarning- ImportWarning- UnicodeWarning- BytesWarning- ResourceWarning



Phần 4

Tự sinh ngoại lệ



Từ khóa raise

- Python cung cấp từ khóa raise sử dụng khi cần phát sinh một ngoại lệ
 - Nếu chỉ viết “**raise**”: cách viết này chỉ đúng trong khối **except**, khi ta không xử lý được ngoại lệ hiện tại và “ném trả” ngoại lệ về cho chương trình cha
 - Nếu viết “**raise <biến>**”: phát sinh một ngoại lệ và <biến> sẽ chứa các thông tin báo lỗi về ngoại lệ xảy ra
 - Trong trường hợp này, <biến> nên có kiểu **Exception** hoặc kế thừa từ **Exception**, kiểu càng cụ thể thì càng cung cấp nhiều thông tin cho quá trình sửa lỗi
 - Lập trình viên có thể tạo một kiểu ngoại lệ mới, kĩ thuật này sử dụng hướng đối tượng là chủ đề nằm ngoài bài giảng này nên sẽ không được đề cập tới



Ví dụ về phát sinh ngoại lệ

Yêu cầu bắt lỗi:

- nhập không phải số nguyên

- nhập số quá lớn

- nhập số quá bé

try:

```
a = int(input("Nhập một số nguyên dương nhỏ hơn 100: "))
```

```
# sinh lỗi khi số quá bé
```

```
if a <= 0:
```

```
    raise ValueError("Bạn đã nhập một số quá nhỏ")
```

```
# sinh lỗi khi số quá lớn
```

```
if a >= 100:
```

```
    raise ValueError("Bạn đã nhập một số quá lớn")
```

```
except ValueError as ex:
```

```
    print("Số nhập vào không phải số nguyên: ", str(ex))
```



Phần 5

Bài tập



Bài tập

1. Viết chương trình nhập 2 số nguyên a và b, sau đó tính và in ra giá trị phân số a/b . Chú ý xử lý ngoại lệ trong các tình huống dưới đây:

- Người dùng nhập a hoặc b không phải số nguyên
- Người dùng nhập $b = 0$

2. Viết chương trình yêu cầu người dùng nhập a, b và c là độ dài 3 cạnh của một tam giác. Xử lý ngoại lệ trong các tình huống sau:

- Người dùng nhập a, b hoặc c không phải là kiểu số
- Người dùng nhập giá trị 0 hoặc số âm cho a, b hoặc c
- Người dùng nhập a, b, c dương nhưng không thể là cạnh của một tam giác



3. Viết chương trình cho phép người dùng nhập liên tiếp các số nguyên dương, yêu cầu:

- Việc nhập liệu sẽ kết thúc bình thường (không exception) khi người dùng nhập số 0
- Phát sinh exception và thông báo “Lỗi số âm!!!” khi người dùng nhập một số nguyên âm bất kỳ
- Phát sinh exception và thông báo “Lỗi nhập số” khi người dùng nhập vào chuỗi không phải số nguyên
- Phát sinh exception và thông báo “Lỗi nhập lặp” khi người dùng nhập 4 số nguyên dương liên tiếp giống nhau
- Phát sinh exception và thông báo “Lỗi nhập chẵn” khi người dùng nhập 5 số chẵn liên tiếp
- Sau khi phát sinh exception, xử lý và thông báo, chương trình cần tiếp tục hoạt động như bình thường